

Số: 492 /BC-UBND

Cái Răng, ngày 10 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025 quận Cái Răng

Căn cứ Quyết định số 3041/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về giao Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2024 thành phố cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân quận Cái Răng về kế hoạch đầu tư công năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân quận Cái Răng về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân quận Cái Răng về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân quận Cái Răng về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024;

Thực hiện Kế hoạch số 307/KH-HĐND-TT ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Thường trực Hội đồng nhân dân quận về việc tổ chức kỳ họp thứ 16 Hội đồng nhân dân quận Cái Răng khóa XII, nhiệm kỳ 2021 - 2026, Ủy ban nhân dân quận Cái Răng báo cáo kết quả thực hiện công tác xây dựng cơ bản năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025, như sau:

I. VỀ ĐIỀU HÀNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG

Căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân quận giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024, Ủy ban nhân dân quận đã ban hành Quyết định số 4879/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 Về việc giao Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2024 quận Cái Răng.

Nhằm từng bước hoàn thiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, sau khi các danh mục dự án được HĐND quận quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, các dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, các dự án đã triển khai giám giá sau đấu thầu, trong năm 2024 UBND quận đã trình HĐND

quận quyết nghị điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 qua các Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024; Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 20 tháng 9 năm 2024; Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân quận Cái Răng.

Căn cứ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh, Ủy ban nhân dân quận đã trình Hội đồng nhân dân quận quyết nghị điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2024 quận Cái Răng tại các Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024; Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 20 tháng 9 năm 2024; Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân quận Cái Răng.

Ủy ban nhân dân quận xác định công tác giải ngân vốn đầu tư công là nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2024, nghiêm túc triển khai thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 05/01/2024, Công điện số 24/CT-ĐT ngày 22/3/2024, Chỉ thị số 20/CT-TTg, Chỉ thị số 25/CT-TTg và Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 08/8/2024; thực hiện ý kiến chỉ đạo của Quận ủy, Ủy ban nhân dân thành phố về giải ngân vốn đầu tư công, triển khai hơn 30 văn bản chỉ đạo triển khai biện pháp giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công.

II. VỀ TÌNH HÌNH PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG

Theo Quyết định số 3041/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc giao kế hoạch đầu tư công vốn nhà nước năm 2024 thành phố Cần Thơ thì tổng kế hoạch vốn năm 2024 thành phố giao cho quận Cái Răng 191.354 triệu đồng, được Hội đồng nhân dân quận phân bổ theo và Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2023 và bổ sung nguồn kết dư ngân sách 2.053 triệu đồng tại Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 20 tháng 9 năm 2024, như sau:

Kế hoạch vốn 2024 (tính đến ngày 15/11/2024)	:	193.407 triệu đồng
- Nguồn cân đối ngân sách địa phương	:	49.336 triệu đồng;
- Nguồn tiền sử dụng đất	:	77.627 triệu đồng;
- Nguồn Xổ số kiến thiết	:	64.391 triệu đồng;
- Nguồn kết dư ngân sách	:	2.053 triệu đồng.
Về phân bổ kế hoạch vốn năm 2024, cụ thể	:	193.407 triệu đồng
- Phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư cho 05 dự án	:	1.455 triệu đồng
- Phân bổ cho 10 dự án hoàn thành	:	1.870 triệu đồng

- Phân bổ vốn chuyển tiếp cho 13 dự án : 45.482 triệu đồng
- Phân bổ vốn cho 23 dự án khởi công mới : 138.600 triệu đồng
- Phân bổ cho 01 chương trình : 6.000 triệu đồng

II. TIẾN ĐỘ GIẢI NGÂN CÁC DỰ ÁN

1. Tổng số giải ngân (đến ngày 20/11/2024): 86.253 triệu đồng /193.407 triệu đồng, đạt 44,60%.

2. Chi tiết giải ngân theo nguồn vốn:

DVT: triệu đồng

TT	NỘI DUNG NGUỒN VỐN	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024	Giải ngân	TỶ LỆ ĐẠT (%)
	TỔNG CỘNG (I+II)	193.407	86.253	44,60%
I	VỐN THÀNH PHỐ PHÂN BỐ THEO TIÊU CHÍ ĐỊNH MỨC	191.354	85.067	44,46%
1	Nguồn Cân đối ngân sách	49.336	29.719	60,24%
2	Nguồn tiền sử dụng đất	77.627	26.478	34,11%
3	Nguồn Xổ số kiến thiết	64.391	28.869	44,83%
II	NGUỒN KẾT DƯ NGÂN SÁCH	2.053	1.185	57,75%

3. Chi tiết giải ngân theo nhóm dự án và chủ đầu tư

DVT: triệu đồng

	CHỦ ĐẦU TƯ	DỰ ÁN ĐƯỢC GIAO	KẾ HOẠCH VỐN ĐƯỢC GIAO	GIẢI NGÂN	TỶ LỆ ĐẠT (%)
A	THEO NHÓM DỰ ÁN	51	193.407	86.253	44,60
1	Vốn chuẩn bị đầu tư	5	1.455	1.284	88,30
2	Dự án hoàn thành	10	1.870	1.437	76,88
3	Dự án chuyển tiếp	13	45.482	23.423	51,50
4	Dự án khởi công mới	23	138.600	57.107	41,20
5	Chương trình	1	6.000	3.000	50,00
B	THEO CHỦ ĐẦU TƯ				
1	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất quận	39	175.432	77.639	44,26
-	Kinh phí chuẩn bị đầu tư	5	1.455	1.284	88,30

	CHỦ ĐẦU TƯ	DỰ ÁN ĐƯỢC GIAO	KẾ HOẠCH VỐN ĐƯỢC GIAO	GIẢI NGÂN	TỶ LỆ ĐẠT (%)
-	Dự án hoàn thành	4	968	602	62,28
-	Dự án chuyển tiếp	10	36.037	18.644	51,74
-	Dự án khởi công mới năm 2024	21	136.972	57.107	41,69
2	Phòng Quản lý đô thị quận	6	8.985	4.624	51,47
-	Dự án hoàn thành	4	848	835	98,45
-	Dự án chuyển tiếp	2	8.137	3.789	46,57
3	Phòng Kinh tế quận	2	54		
-	Dự án hoàn thành	2	54	-	-
4	Phòng Văn hóa và Thông tin quận	1	1.308	989	75,62
-	Dự án chuyển tiếp	1	1.308	989	75,62
5	Ban Chỉ huy Quân sự quận	2	1.628		
-	Dự án khởi công mới năm 2024	2	1.628	-	-
6	CHƯƠNG TRÌNH	1	6.000	3.000	50,00

(Đính kèm Phụ lục số 01 - chi tiết từng dự án)

III. CÔNG TÁC QUYẾT TOÁN, TẮT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH

Năm 2024 (tính đến ngày 20/11/2024) đã phê duyệt quyết toán đối với 21 dự án, với tổng giá trị đề nghị quyết toán (khối lượng nghiệm thu hoàn thành): 195.916 triệu đồng, cụ thể:

1. Dự án đã được phê duyệt quyết toán: 15 dự án, với tổng giá trị quyết toán là: 107.376 triệu đồng/107.391 triệu đồng giá trị đề nghị, giảm 15 triệu đồng. Trong đó:

- Phê duyệt quyết toán 07 dự án được phân bổ vốn hoàn thành năm 2024, với giá trị quyết toán 34.647 triệu đồng.

- Phê duyệt quyết toán 05 dự án được phân bổ vốn chuyển tiếp năm 2024, với tổng giá trị 63.309 triệu đồng.

- Phê duyệt quyết toán 03 dự án không phân bổ kế hoạch vốn năm 2024, với tổng giá trị 9.420 triệu đồng.

2. Dự án đã hoàn thành hồ sơ đang chờ phê duyệt quyết toán là: 01 dự án, với giá trị đề nghị: 8.291 triệu đồng;

3. Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng chưa hoàn thành hồ sơ quyết toán: 05 dự án, với tổng giá trị nghiệm hoàn thành: 51.083 triệu đồng. Trong đó:

- 01 dự án được phân bổ vốn hoàn thành năm 2024;
- 02 dự án được phân bổ vốn chuyển tiếp năm 2024;
- 01 dự án được phân bổ vốn đầu tư mới;
- 01 dự án không phân bổ kế hoạch vốn năm 2024;

(Đính kèm phụ lục số 02 - quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành năm 2024)

IV. CÔNG TÁC ĐẦU THẦU, CHỈ ĐỊNH THẦU NĂM 2024

Tổng số các gói thầu của các dự án là: 59 gói thầu/ 10 dự án, tổng giá trị mời thầu là 58.033 triệu đồng; sau giảm giá trong đấu thầu 7.586 triệu đồng, tổng giá trị kết quả lựa chọn nhà thầu: 50.447 triệu đồng, đối với các dự án 10 dự án được phân bổ vốn đầu tư mới năm 2024, cụ thể như sau:

- 07 gói thầu đấu thầu rộng rãi (06 gói thầu xây lắp, với tổng giá trị trúng thầu 42.952 triệu đồng; 01 gói thầu tư vấn thiết kế, với giá trị trúng thầu 420 triệu đồng);
- 52 gói thầu chỉ định thầu (phần lớn là các gói thầu tư vấn, với tổng giá trị trúng thầu 6.112 triệu đồng; 01 gói thi công xây lắp, với giá trị trúng thầu 963 triệu đồng).

(Đính kèm phụ lục 03 – kết quả lựa chọn nhà thầu)

V. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi và kết quả đạt được

- Được sự quan tâm của Quận ủy, Hội đồng nhân dân quận thường xuyên kiểm tra, đôn đốc và tháo gỡ khó khăn nên tiến độ thực hiện các công trình đầu tư công có cải thiện.

- Tập trung chỉ đạo, ban hành các văn bản, chỉ đạo chấn chỉnh, tăng cường quản lý, sử dụng nguồn đầu tư công; từ tháng 10 đến nay có chuyển biến tích cực, trực tiếp khảo sát, rà soát từng dự án cụ thể, nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, cải thiện tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024.

2. Hạn chế, khó khăn

- Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2024 giai đoạn 9 tháng đầu năm, chậm so với kế hoạch đề ra; tiến độ lập dự án phục vụ cho kế hoạch đầu tư công năm 2024 không đạt yêu cầu, dẫn đến việc bố trí vốn gặp nhiều khó khăn, phải điều chỉnh kế hoạch vốn nhiều lần. Tiến độ thực hiện các công trình trọng điểm như: Xây dựng mới trụ sở Quận ủy, các ban xây dựng Đảng Quận ủy và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp chậm tiến độ, dự án Trường Trung học cơ sở Tân Phú chưa hoàn tất thủ tục có liên quan để triển khai thi công dự án, dẫn đến phải điều chỉnh vốn sang các dự án khác.

- Công tác khảo sát, lập đề xuất dự án chưa chuẩn xác, dẫn đến kết quả triển khai thực hiện phải điều chỉnh dự án; công tác triển khai dự án, thực hiện hỗ trợ bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án triển khai chậm, phần nào ảnh hưởng tiến độ thi công và giải ngân kế hoạch vốn. Chưa nghiên cứu, cập nhật các quy định có liên quan đến quá trình triển khai công trình đầu tư xây dựng, dẫn đến chưa kịp thời hoàn thiện hồ sơ, thủ tục về đất, quy hoạch, giải phóng mặt bằng...

- Công tác phối hợp với các ngành, đơn vị chưa chặt chẽ nên công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự án còn thiếu sót dẫn đến phải điều chỉnh nhiều lần; công tác quyết toán và tất toán một số công trình còn chậm so với quy định; một số công trình phát sinh khó khăn, vướng mắc nhưng chưa giải quyết kịp thời.

- Công tác xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm chất lượng chưa cao nên thiếu công trình đủ điều kiện phân bổ vốn nên hầu hết các công trình đủ điều kiện phân bổ đều có tỷ lệ phân bổ vốn cao so với khả năng thi công công trình.

- Đơn vị được giao chủ đầu tư thiếu chủ động, kiểm tra, giám sát trong công tác chuẩn bị đầu tư, thiết kế dự toán ... một vài công trình để triển khai thi công được phải điều chỉnh bổ sung hồ sơ nhiều lần. Việc đề xuất bố trí kế hoạch vốn đầu tư có trường hợp chưa sát với tình hình thực tiễn triển khai dự án, do đó để giải ngân đạt kế hoạch phải điều chỉnh vốn.

VI. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2025

1. Quán triệt, bám sát chủ trương, quan điểm của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước, nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của các ngành, các cấp, người đứng đầu trong thực hiện giải ngân kế hoạch vốn theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 08/8/2024, và các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Tập trung rà soát lại kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 để điều chỉnh, bổ sung theo tình hình thực tế. Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 và hoàn thiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 – 2030 trình Hội đồng nhân dân quận quyết định.

3. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn có liên quan cần quyết liệt, chủ động, tích cực, sát sao, cụ thể, thực sự vào cuộc thực chất hơn và theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao hướng dẫn xử lý, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn một cách kịp thời, hiệu quả. Tăng cường tần suất kiểm tra hiện trường để khắc phục các tồn tại, bất cập; người đứng đầu phải trực tiếp chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác xây dựng cơ bản.

4. Chỉ đạo các chủ đầu tư tăng cường tần suất kiểm tra hiện trường để khắc phục các tồn tại, bất cập; người đứng đầu phải trực tiếp chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công. Đặc biệt,

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công, xử lý nghiêm các chủ đầu tư giải ngân không đạt chỉ tiêu từ 95% trở lên. Thực hiện nghiêm các quy định về tạm ứng, nghiệm thu, thanh toán, thu hồi tạm ứng vốn đầu tư theo đúng thời hạn, và ngay khi có khối lượng; chủ động rà soát điều chuyển vốn theo thẩm quyền giữa các dự án chậm giải ngân sang các dự án có khả năng giải ngân tốt hơn, có nhu cầu bổ sung vốn theo quy định.

5. Chỉ đạo chấn chỉnh công tác quyết toán công trình hoàn thành đúng thời gian theo quy định; rà soát, xử lý trách nhiệm, xử lý chế tài của chủ đầu tư đối với những trường hợp chậm thực hiện công tác quyết toán theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán sử dụng vốn đầu tư công.

6. Tập trung xử lý dứt điểm các dự án kéo dài như dự án Tuyến đường lộ hậu Kênh Thạnh Đông nối Mù U-Bến Bạ và hoàn thành thủ tục đầu tư xây dựng dự án Khu tái định cư quận Cái Răng (giai đoạn 2).

Trên đây là tình hình thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025, Ủy ban nhân dân quận Cái Răng kính báo Hội đồng nhân dân quận tại kỳ họp lần thứ 16, khóa XI, nhiệm kỳ 2016 - 2021./.

Nơi nhận:

- TT Quận ủy; TT HĐND quận;
- TT UBND, TT UBMTTQVN quận;
- Hai Ban HĐND, Đại biểu HĐND quận;
- Các ban ngành, đoàn thể quận;
- UBND các phường;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Trúc Linh



BÁO CÁO CHI TIẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 2024 QUẬN CÁI RĂNG

(Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/11/2024)

(Đính kèm Báo cáo số 19/BC-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Cái Răng)

ĐVT: đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án A/B/C	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Đơn vị được giao chủ đầu tư	Kế hoạch vốn bố trí năm 2024	Trong đó					Trong đó		Tỷ lệ giải ngân (%)	Ghi chú
							Nguồn Cân đối ngân sách	Sử dụng đất	Nguồn XSKT	Nguồn kết dư ngân sách	Giá trị thành toán	Thanh toán khối lượng	Tạm ứng		
A	B	C	D	C	D	1=2+...+5	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=6/1	10
	TỔNG SỐ= I+II+III					193.407.000.000	49.336.000.000	77.627.000.000	64.391.000.000	2.053.000.000	86.252.960.369	69.177.523.251	17.075.437.118	44,60%	
I	KINH PHÍ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ					1.455.000.000		905.000.000	550.000.000		1.284.793.300	1.284.793.300		88,30%	
1	Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Thị Trâm và Huỳnh Thị Nữ	B	8091302	P. Ba Láng, Phường Thạnh	Ban QLDA &PTQĐ	785.000.000		785.000.000			784.793.300	784.793.300		99,97%	
2	Đầu tư hạ tầng số, nền tảng số, xây dựng dữ liệu dùng chung của Ủy ban nhân dân quận, phường	C	8097383	QCR	Ban QLDA &PTQĐ	50.000.000			50.000.000						
3	Xây dựng mới phòng học, các hạng mục phụ trợ và cải tạo khuôn viên trường tiểu học Tân Phú	C	8090743	Phường Tân Phú	Ban QLDA &PTQĐ	250.000.000			250.000.000		250.000.000	250.000.000		100,00%	
4	Xây dựng mới trường Mầm non Tân Phú	C	8090745	Phường Tân Phú	Ban QLDA &PTQĐ	250.000.000			250.000.000		250.000.000	250.000.000		100,00%	
5	Đầu tư, nâng cấp hệ thống truyền thanh cơ sở dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn Quận Cái Răng	C		QCR	Ban QLDA &PTQĐ	120.000.000		120.000.000							
II	VỐN THỰC HIỆN DỰ ÁN					185.952.000.000	49.336.000.000	73.722.000.000	60.841.000.000	2.053.000.000	81.968.167.069	64.892.729.951	17.075.437.118	44,08%	
II.1	Dự án hoàn thành					1.870.000.000	173.000.000	430.000.000		1.267.000.000	1.437.685.848	1.366.159.507	71.526.341	76,88%	
1	Nâng cấp tuyến lộ rạch Cây Trâm	C	7932940	P. Thường Thạnh - Hưng Thạnh	Ban QLDA &PTQĐ	500.000.000				500.000.000	355.555.690	355.555.690		71,11%	
2	Xây dựng mới cầu Ông Thiện	C	7982817	P. Thường Thạnh	Ban QLDA &PTQĐ	138.000.000				138.000.000	-	-			
3	Nạo vét kênh Áp Mỹ	C	7565248	P. Thường Thạnh	Ban QLDA &PTQĐ	285.000.000				285.000.000	247.276.149	225.691.491	21.584.658	86,76%	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án A/B/C	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Đơn vị được giao chủ đầu tư	Kế hoạch vốn bố trí năm 2024	Nguồn Cản đối ngân sách	Sử dụng đất	Nguồn XSKT	Nguồn kết dư ngân sách	Giá trị thanh toán	Thanh toán khối lượng	Tạm ứng	Tỷ lệ giải ngân (%)	Ghi chú
A	B	C	D	C	D	I=2+...+5	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=6/1	10
	TỔNG SỐ= I+II+III					193.407.000.000	49.336.000.000	77.627.000.000	64.391.000.000	2.053.000.000	86.252.960.369	69.177.523.251	17.075.437.118	44,60%	
4	Kế mễ sông tại di tích lịch sử "Địa điểm chiến thắng của Tiểu đoàn Tây Đô tại rạch Ông Cừu năm 1968"	C	7853526	P. Trưởng Thanh	Ban QLDA &PTQĐ	45.000.000				45.000.000	-	-	-		
5	Nạo vét kênh Cai Chanh	C	7954451	Trưởng Thanh	Phòng Kinh tế	38.000.000				38.000.000	-	-	-		
6	Nạo vét rạch Ngã Bút	C	7954452	Phù Thứ - Trưởng Thanh	Phòng Kinh tế	16.000.000				16.000.000	-	-	-		
7	Xây dựng mới cầu Rạch Đập và cầu Út Em	C	7933434	P. Hưng Thanh	Phòng QLĐT	23.000.000				23.000.000	23.000.000	23.000.000	-	100,00%	
8	Chỉnh trang lát gạch vỉa hè và hệ thống thoát nước khu tái định cư Thạnh Mỹ	C	7852435	P. Lê Bình	Phòng QLĐT	222.000.000				222.000.000	221.308.804	221.308.804	-	99,69%	
9	Sửa chữa lớn hạ tầng kỹ thuật, kiến thiết, chỉnh trang đô thị (mặt đường, thoát nước, vỉa hè)	C	7852431	Q. Cái Răng	Phòng QLĐT	173.000.000					165.606.085	115.664.402	49.941.683	95,73%	
10	Đầu tư hệ thống điện mặt trời tại khu chỉnh trị - hành chính tập trung quận Cái Răng	C	7877034	P. Phú Thứ	Phòng QLĐT	430.000.000		430.000.000			424.939.120	424.939.120		98,82%	
II.2	Dự án chuyển tiếp					45.482.000.000	2.745.000.000	21.098.000.000	20.853.000.000	786.000.000	23.423.314.191	19.263.045.362	4.160.268.829	51,50%	
1	Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học và cấp Trung học cơ sở trên địa bàn quận Cái Răng.	C	7982809	quận Cái Răng	Ban QLDA &PTQĐ	4.513.000.000			4.513.000.000		4.535.417.547	4.535.417.547		100,50%	
2	Nâng cấp, sửa chữa các trường trên địa bàn các phường: Lê Bình, Hưng Phú, Phú Thứ, Tân Phú	C	7853533	quận Cái Răng	Ban QLDA &PTQĐ	789.000.000			789.000.000		785.139.412	785.139.412		99,51%	
3	Nâng cấp, mở rộng tuyến lộ từ nhà Thông tin KV Phú Xuân đến đầu Kênh Thanh Đông	C	7932944	phường Phú Thứ	Ban QLDA &PTQĐ	450.000.000	450.000.000				461.109.080	461.109.080	-	102,47%	
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến lộ từ cầu Xảo Lã đến cầu Ngã Bút	C	7982814	P. Phú Thứ	Ban QLDA &PTQĐ	160.000.000	160.000.000				59.495.000	59.495.000	-	37,18%	
5	Mở rộng tuyến Rạch Chiếc (2 bên)	C	7934654	P. Ba Láng	Ban QLDA &PTQĐ	998.000.000	998.000.000				990.171.279	990.171.279	-	99,22%	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án A/B/C	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Đơn vị được giao chủ đầu tư	Kế hoạch vốn bố trí năm 2024	Nguồn Căn đối ngân sách	Sử dụng đất	Nguồn XSKT	Nguồn kết dư ngân sách	Giá trị thanh toán	Thanh toán khối lượng	Tạm ứng	Tỷ lệ giải ngân (%)	Ghi chú
A	B	C	D	C	D	I=2+...+5	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=6/1	10
	TỔNG SỐ= I+II+III					193.407.000.000	49.336.000.000	77.627.000.000	64.391.000.000	2.055.000.000	86.252.960.369	69.177.523.251	17.075.437.118	44,60%	
6	Nâng cấp, cải tạo hệ thống cống dọc, ngang đường thuộc phường Lê Bình, Ba Láng	C	7933436	P. Lê Bình P. Ba Láng	Phòng QLĐT	454.000.000	454.000.000				253.052.004	243.687.326	9.364.678	55,74%	
7	Xây dựng mới khối phòng học Trường Tiểu học Ba Láng	C	7932936	P. Ba Láng	Ban QLDA &PTQĐ	922.000.000	-		922.000.000		166.332.416	166.332.416		18,04%	
8	Xây dựng mới trạm y tế phường Tân Phú	C	7982812	P. Tân Phú	Ban QLDA &PTQĐ	500.000.000	-		500.000.000		311.669.530	311.669.530		62,33%	
9	Dự án đầu tư trang thiết bị kỹ thuật số hóa phục vụ nâng cao hoạt động của Hội đồng nhân dân quận, phường	C	7964586	quận Cái Răng	Phòng VIII	1.308.000.000	-		1.308.000.000		989.126.727	989.126.727		75,62%	
10	Xây dựng mới cầu tàu chèo nôi và các hạng mục liên quan.	C	7961367	P. Lê Bình	Phòng QLĐT	7.683.000.000	683.000.000	7.000.000.000			3.536.605.390	92.033.655	3.444.571.735	46,03%	
11	Xây dựng mới trụ sở Quận ủy, các ban xây dựng Đảng Quận ủy và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp	B	7932935	P. Phú Thứ	Ban QLDA &PTQĐ	14.098.000.000		14.098.000.000			10.989.534.749	10.449.534.749	540.000.000	77,95%	
12	Kế mễ sống tại di tích văn hóa "Đình Thường Thạnh"	C	7853527	phường Thường Thạnh	Ban QLDA &PTQĐ	786.000.000				786.000.000	338.467.469	338.467.469	-	43,06%	
13	Xây dựng mới Trường trung học cơ sở Tân Phú	C	7932935	P. Tân Phú	Ban QLDA &PTQĐ	12.821.000.000			12.821.000.000	13	7.193.588	7.193.588		0,06%	
II.3	Dự án đầu tư mới					138.600.000.000	46.418.000.000	52.194.000.000	39.988.000.000		57.107.167.030	44.263.525.082	12.843.641.948	41,20%	
1	Xây dựng mới trường Mầm non Hưng Phú	C	8044207	P. Hưng Phú	Ban QLDA &PTQĐ	17.000.000.000	2.000.000.000		15.000.000.000		13.194.012.429	7.449.685.235	5.744.327.194	77,61%	
2	Nhà văn hóa khu vực các phường- đợt 1	C	8049783	QCR	Ban QLDA &PTQĐ	6.700.000.000		600.000.000	6.100.000.000		6.604.791.199	6.457.247.998	147.543.201	98,58%	
3	Nâng cấp, mở rộng tuyến lộ đoạn từ nhà văn hóa KV Phú Khánh đến cầu Xẻo Lã	C	7982816	P. Phú Thứ	Ban QLDA &PTQĐ	9.610.000.000	8.700.000.000	910.000.000			5.515.087.613	5.430.186.196	84.901.417	57,39%	
4	Nâng cấp tuyến lộ cấp sông Áp Mỹ	C	7982815	P. Thường Thạnh	Ban QLDA &PTQĐ	9.238.000.000	8.738.000.000	500.000.000			6.378.393.002	5.234.643.308	1.143.749.694	69,05%	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án A/B/C	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Đơn vị được giao chủ đầu tư	Kế hoạch vốn bố trí năm 2024	Nguồn Căn đối ngân sách	Sử dụng đất	Nguồn XSKT	Nguồn kết dư ngân sách	Giá trị thanh toán	Thanh toán khối lượng	Tạm ứng	Tỷ lệ giải ngân (%)	Ghi chú
A	B	C	D	C	D	1=2+...+5	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=6/1	10
	TỔNG SỐ= I+II+III					193.407.000.000	49.336.000.000	77.627.000.000	64.391.000.000	2.053.000.000	86.252.960.369	69.177.523.351	17.075.437.118	44,60%	
5	Nâng cấp, mở rộng tuyến rạch Bà Yên (2 bên)	C	7932941	P. Thường Thạnh	Ban QLDA &PTQĐ	6.000.000.000		6.000.000.000			4.205.380.701	520.654.441	3.684.726.260	70,09%	
6	Nâng cấp, mở rộng tuyến lộ đoạn từ cầu Mát Cát đến ngom Mát Cát (Bờ phải tính từ rạch Xẻo Lát)	C	7982813	P. Phú Thứ	Ban QLDA &PTQĐ	7.773.000.000	7.773.000.000				4.408.810.135	3.385.658.871	1.023.151.264	56,72%	
7	Nâng cấp, mở rộng tuyến lộ đoạn từ cầu Bến Ba đến cầu Ba Dầu	C	7933430	P. Tân Phú	Ban QLDA &PTQĐ	4.360.000.000	3.511.000.000	849.000.000			2.240.365.662	2.090.365.662	150.000.000	51,38%	
8	Trụ sở Đảng ủy và UBND, Hội trường các phường. Hàng mục sửa chữa và xây dựng mới một số hạng mục.	C	8044206	QCR	Ban QLDA &PTQĐ	9.790.000.000	8.790.000.000	1.000.000.000			9.740.855.438	9.442.364.721	298.490.717	99,50%	
9	Nâng cấp nhánh phải tuyến đường số 1A - Khu Công nghiệp Hưng Phú 1	C	7869889	P. Tân Phú	Ban QLDA &PTQĐ	8.000.000.000			8.000.000.000						
10	Nâng cấp hạ tầng khu dân cư Khu vực Yên Hạ	C	7933431	P. Thường Thạnh	Ban QLDA &PTQĐ	8.000.000.000			8.000.000.000						
11	Xây dựng mới tu số phường Tân Phú	C	8049784	P. Tân Phú	Ban QLDA &PTQĐ	9.000.000.000		9.000.000.000			660.654.656	660.654.656		7,34%	
12	Nâng cấp, mở rộng tuyến lộ cấp sống Cái Răng Bè đoạn từ trường THPT Nguyễn Việt Dũng đến chợ Cái Chanh	C	8050313	P. Lê Bình - Thường Thạnh	Ban QLDA &PTQĐ	9.000.000.000		9.000.000.000			744.398.239	744.398.239		8,27%	
13	Mua sắm bàn, ghế phục vụ cho hoạt động của Hội trường trung tâm Khu chính trị - Hành chính tập trung quận Cái Răng.	C	8097475	P. Phú Thứ	Ban QLDA &PTQĐ	975.000.000		950.000.000	25.000.000		301.492.000	23.692.000	277.800.000	30,92%	
14	Sửa chữa cơ sở vật chất Trường mẫu giáo Ba Láng	C	8097382	P. Ba Láng	Ban QLDA &PTQĐ	976.000.000			976.000.000		365.389.080	76.436.879	288.952.201	37,44%	
15	Dự án Xây dựng mới 05 cầu tuyến đường Trương Vĩnh Nguyễn	C	8077743	P. Thường Thạnh	Ban QLDA &PTQĐ	14.363.000.000	3.350.000.000	11.013.000.000			1.222.652.450	1.222.652.450		8,51%	
16	Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Việt Dũng	C	7963631	P. Lê Bình	Ban QLDA &PTQĐ	2.500.000.000		2.500.000.000			38.773.963	38.773.963		1,55%	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án A/B/C	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Đơn vị được giao chủ đầu tư	Kế hoạch vốn bố trí năm 2024	Nguồn Căn đối ngân sách	Sử dụng đất	Nguồn XSKT	Nguồn kết dư ngân sách	Giá trị thanh toán	Thanh toán khối lượng	Tạm ứng	Tỷ lệ giải ngân (%)	Ghi chú
A	B	C	D	C	D	1=2+...+5	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=6/1	10
	TỔNG SỐ= I+II+III					193.407.000.000	49.336.000.000	77.627.000.000	64.391.000.000	2.053.000.000	86.252.960.369	69.177.533.251	17.075.437.118	44,60%	
17	Xây dựng nhà ăn đại biểu cho Ban chỉ huy quân sự quận	C	8090746	Phường Thường Thạnh	Ban QLDA &PTQĐ	1.849.000.000		1.800.000.000	49.000.000		951.110.463	951.110.463		51,44%	
18	Trang bị hệ thống ăn trưa cho hội trường các Phường	C	7932932	QCR	Ban QLDA &PTQĐ	3.100.000.000		3.100.000.000							
19	Mua sắm bàn, ghế phục vụ dạy và học của các trường trên địa bàn quận Cái Răng	C		QCR	Ban QLDA &PTQĐ	3.200.000.000		1.862.000.000	1.338.000.000		35.000.000	35.000.000		1,09%	
20	Xây dựng mới phòng học, các hạng mục phụ trợ và cải tạo khuôn viên trường tiểu học Trần Hoàng Na	C	8090742	Phường Hưng Thạnh	Ban QLDA &PTQĐ	2.750.000.000	2.500.000.000		250.000.000		250.000.000	250.000.000		9,09%	
21	Cải tạo, sửa chữa Khán đài và khu vệ sinh phục vụ công tác tuyên truyền, Nhà truyền thống tại Ban chỉ huy quân sự quận	C		P. Thường Thạnh	Ban chỉ huy Quân sự	970.000.000		970.000.000							
22	Cải tạo, sửa chữa Kho vũ khí, đạn tại Ban chỉ huy quân sự quận	C		P. Thường Thạnh	Ban chỉ huy Quân sự	658.000.000		658.000.000							
23	Xây dựng mới phòng học, các hạng mục phụ trợ và cải tạo khuôn viên trường tiểu học Phú Thứ 1.	C	8090744	Phường Phú Thứ	Ban QLDA &PTQĐ	2.788.000.000	1.056.000.000	1.482.000.000	250.000.000		250.000.000	250.000.000		8,97%	
III	Chương trình					6.000.000.000		3.000.000.000	3.000.000.000		3.000.000.000	3.000.000.000		50,00%	
1	Cấp vốn ủy thác cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội quận Cái Răng			Q.CR	NH CSXH QCR	6.000.000.000		3.000.000.000	3.000.000.000		3.000.000.000	3.000.000.000		50,00%	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG DỰ ÁN HOÀN THÀNH NĂM 2024
(Kèm theo Báo cáo số 09/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Cầu Giấy)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Tăng giảm dự án	Địa điểm được bổ sung dự án	Mã dự án	Ngày khởi công	Ngày hoàn thành	Ngày bàn giao vào sử dụng	Quyết định phê duyệt quyết toán (nếu có)				Trong thời gian quyết toán theo quy định						Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của dự án		Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân		
								Số QĐ ngày, tháng, năm	Giá trị phê duyệt	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của dự án		Giá trị (đơn vị quyết toán) hoặc giá trị (đơn vị tính toán) được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân										
										Tổng số	Trong đó: Ngân sách trung ương				Tổng số	Trong đó: Ngân sách trung ương								
10																								
I																								
A	TỔNG SỐ DỰ ÁN HOÀN THÀNH (I + II + III)	21																						
I	Dự án đã được phê duyệt quyết toán	15																						
1	Ngoại kinh doanh		phường Thanh Xuân	7565248	28/03/2023	25/07/2023	25/07/2023	239/QĐ-UBND 24/01/2024	107.376.567.364	83.027.687.567														
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến lộ từ nhà Thông tin KV Phú Xuân đến đầu kinh doanh Đông		phường Phú Thọ	7932944	12/07/2022	08/12/2022		240/QĐ-UBND 24/01/2024	13.479.247.391	14.516.839.249														
3	Kiểm định giá trị đất đai và "Điền điểm chỉnh đốn của Tiểu đoàn Tỵ Đà tại ranch Ông Chou năm 1968"		phường Thanh Xuân	783326	10/09/2021	07/04/2022		244/QĐ-UBND 24/01/2024	107.376.567.364	72.097.687.957														
4	Nâng cấp, sửa chữa các trường tiểu địa bàn các phường: LA Bình, Hưng Phú, Phú Thọ, Tân Phú		Q Cầu Giấy	783333	27/12/2022	15/08/2023		798/QĐ-UBND 01/04/2024	12.985.139.412	14.499.832.853														
5	Đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời khu hành chính - chính trị tập trung		P. Phú úc	7877034	28/12/2021	29/01/2022		252/QĐ-UBND 25/01/2024	4.144.652.635															
6	Sửa chữa lớn hệ thống kỹ thuật, kiến trúc, chỉnh trang đô thị (mặt đường, thoát nước, vỉa hè)		P. Thanh Xuân	7832431	01/10/2022	24/03/2023		357/QĐ-UBND 30/01/2024	14.599.735.639															
7	Mở rộng tuyến Ranch Chiếu (2 bên)		phường Ba Lang	7934654	15/12/2022	30/07/2023		1590/QĐ-UBND 24/7/2024	10.817.689.983	11.646.447.591														
8	Nâng cấp, mở rộng tuyến lộ từ cầu Xéo Lá đến cầu Ngã Bút		phường Phú Thọ	7982814	05/04/2023	01/09/2023		1792/QĐ-UBND 22/8/2024	5.128.937.720															
9	Xây dựng mới hệ phân cấp nước và hệ kết quả UBND phường LA Bình, Hưng Phú, Thanh Xuân		phường LA Bình và phường Thanh Xuân	7853523	10/05/2021	25/01/2022		1917/QĐ-UBND 05/9/2024	1.293.380.150															
10	Trạm Y tế phường LA Bình, Hưng Phú: Sửa chữa và xây dựng mới 02 dãy phòng khám bệnh		phường LA Bình	7982811	27/12/2022	24/08/2023		1917/QĐ-UBND 25/10/2024	4.274.214.383															
11	Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học và cấp Trung học cơ sở trên địa bàn quận Cầu Giấy		Q Cầu Giấy	7982809	03/04/2023	31/10/2023		2745/QĐ-UBND 13/11/2024	20.898.000.768	26.657.696.346														
12	Ngoại kinh doanh Cầu Chanh		phường Thanh Xuân	7954451				2746/QĐ-UBND 13/11/2024	5.075.490.069															
13	Ngoại kinh doanh Ngã Bút		phường Thanh Xuân	7954452	22/03/2023	19/02/2023		2743/QĐ-UBND 13/11/2024	2.242.253.960															
14	Xây dựng mới cầu Ông Thìn		phường Thanh Xuân	7982817	14/04/2023	11/08/2023		1791/QĐ-UBND 22/8/2024	2.576.948.715															
15	Nâng cấp, sửa chữa và sửa chữa các công trình		Q Cầu Giấy	7853520	10/05/2021	25/01/2022		2036/QĐ-UBND 16/9/2024	3.852.966.163															
II	Dự án đã nộp hồ sơ quyết toán, chưa được phê duyệt quyết toán (1/2)	1																						
I	Nâng cấp, mở rộng tuyến lộ từ cầu Cầu Núi đến nhà ông Mười Bùn		P. Hưng Phú	7933434	18/04/2022	31/10/2023																		
III	Dự án đã hoàn thành, chưa nộp hồ sơ quyết toán	5																						

10	Nội dung	Tổng số dự án	Địa điểm được nhận	Mã số dự án	Ngày khởi công	Ngày hoàn thành	Ngày bàn giao đưa vào sử dụng	Số QĐ ngày, tháng, năm	Giá trị phải duyệt	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của dự án	Giá trị đã nghiệm thu hoặc giá trị khối lượng hoàn thành	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của dự án	Giá trị đã nghiệm thu hoặc giá trị khối lượng hoàn thành	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân
1	Tra số Đăng ủy và UBND, HH, trường các phường, Hạng mục sửa chữa và xây dựng một số hạng mục.		QCR	8044206	03/04/2024	17/09/2024				10.930.000.000	10.126.688.944		9.840.855.438					
2	Xây dựng mới HH trường trung tâm Khu Chính trị - Hành chính tập trung quân Cầu Bàng (400 chỗ, sân đường, PCCC và các hạng mục phụ trợ, thiết bị)		phường Phú Thới	7873586	03/11/2021	01/05/2023								1	14.565.399.024	14.350.013.376		13.473.731.686
3	Xây dựng mới Trại Y tế phường Tân Phú		phường Tân Phú	7982812	29/12/2022	28/05/2023								1	6.661.048.104	5.530.596.575		5.529.819.099
4	Xây dựng mới khối phòng học trường Tiểu học Bà Láng		phường Bà Láng	7932936	28/06/2022	31/10/2023								1	20.641.863.504	14.350.013.376		13.473.731.686
5	Nâng cấp tuyến lộ mch Cây Tràm		phường Tân Phú	7932943	27/03/2023	30/12/2023								1	8.261.140.159	6.726.624.011		6.630.000.000





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU NĂM 2024
(Kèm theo Báo cáo số ABC ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Cái Răng)

STT	Danh mục công trình	Số gói thầu	Địa điểm thực hiện	Mã số dự án	Quyết định phê duyệt dự án/BC KTKT		Giá trị gói thầu mới thầu	Giá trị giảm giá sau đấu thầu	Số Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Kết quả tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu (Giá trị Đồng)				Kết quả tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu tư vấn (Giá trị Đồng)				Ghi chú		
					Số QĐ ngày, tháng năm	Giá trị được phê duyệt				Đầu thầu rộng rãi	Đầu thầu hạn chế	Chào hàng cạnh tranh	Chỉ định thầu	Hình thức khác	Đầu thầu rộng rãi	Đầu thầu hạn chế	Chào hàng cạnh tranh		Chỉ định thầu	Hình thức khác
	Tổng số	59				190.824.114.061	58.033.629.633	7.586.593.728		42.951.842.004			963.174.004		420.000.000			6.112.019.897		
1	Mở rộng tuyến rạch Bà Văn (2 bên)	3	P. Thới Thạnh	7932941	4765/QB-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2023	22.103.545.324	337.141.799		4765/QB-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2023									337.141.799		
1.1	Tư vấn khảo sát địa hình bước thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	1					86.790.961											86.790.961		
1.2	Tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đầu tư xây dựng	1					201.979.886											201.979.886		
1.3	Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đầu tư xây dựng	1					48.370.952											48.370.952		
2	Xây dựng mới Trường Mầm non Hưng Phú	6	P. Hưng Phú	8.044.207	4766/QB-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2023	29.904.000.000	909.796.315	243.747.531	928/QB-UBND 19/04/2024						420.000.000			246.048.784		
2.1	Gói thầu: Tư vấn lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu tư vấn thiết kế - dự toán xây dựng	1					5.416.180											5.416.180		
2.2	Gói thầu: Tư vấn thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn thiết kế - dự toán	1					2.200.000											2.200.000		
2.3	Gói thầu: Tư vấn thiết kế bản vẽ thi công - dự toán	1					663.747.531	243.747.531							420.000.000					
2.4	Về thi công - dự toán xây dựng	1					99.320.834											99.320.834		
2.5	HSDT gói thầu thi công xây lắp và cung cấp vật tư	1					85.607.712											85.607.712		
2.6	Kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu thi công xây dựng	1					53.504.058											53.504.058		
3	Trụ sở Đảng ủy và UBND, Hội trường các phường, Hạng mục sửa chữa và xây dựng mới một số hạng mục	7	quận Cái Răng	8.044.206	4763/QB-UBND ngày 13/12/2023	10.930.000.000	10.148.232.417	775.557.958	362/QB-UBND 30/01/2024	8.583.312.832								789.361.627		
3.1	Tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT thi công xây dựng	1					40.413.183											40.413.183		
3.2	Thẩm định HSMT và kết quả LCNT thi công xây dựng	1					9.354.903											9.354.903		
3.3	Tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	1					381.245.427	3.967.299										377.278.128		
3.4	Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đầu tư xây dựng	1					47.522.910											47.522.910		
3.5	Tư vấn giám sát thi công xây dựng	1					307.308.580											307.308.580		
3.6	Bảo hiểm công trình	1					7.483.923											7.483.923		
3.7	Thi công xây lắp	1					9.354.903.491	771.590.659												
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến lộ đoạn từ cầu Mát Cút đến ngàm Mát Cút (bờ phải tính từ rạch Xẻo Lát)	5	P. Phú Thới	7982813	4531/QB-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023	12.096.039.434	9.017.450.262	1.301.654.511	365/QB-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2024	8.583.312.832								339.865.637		

STT	Danh mục công trình	Số gói thầu	Địa điểm thực hiện	Mã số dự án	Quyết định phê duyệt dự án/BC KTKT		Giá trị gói thầu mới thầu	Giá trị giảm giá sau đấu thầu	Số Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Kết quả tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu xây lắp (Giá trị Đồng)				Kết quả tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu tư vấn (Giá trị Đồng)				Ghi chú		
					Số QĐ ngày, tháng năm	Giá trị được phê duyệt				Đầu thầu rộng rãi	Chào hàng cạnh tranh	Chỉ định thầu	Hình thức khác	Đầu thầu hạn chế	Chào hàng cạnh tranh	Chỉ định thầu	Hình thức khác			
	Tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT thi công xây dựng	1					30.024.443										30.024.443			
4.1																				
4.2	Thẩm định HSMT và kết quả LCNT thi công xây dựng	1					8.034.800										8.034.800			
4.3	Tư vấn giám sát thi công xây dựng	1					277.943.036										277.943.036			
4.4	Bảo hiểm công trình	1					23.863.358										23.863.358			
4.5	Thi công xây lắp	1					8.677.584.625	1.301.654.511			7.375.930.114									
5	Nhà văn hóa khu vực các phường - đợt 1	6	7 phường	8049783	4764/QĐ-UBND ngày 13/12/2023	7.800.155.344	6.733.023.408	1.026.956.577	429/QĐ-UBND ngày 15/02/2024		4.837.047.000						869.019.831			
5.1	Bảo hiểm công trình	1					4.690.877	434.276									4.256.601			
5.2	Giám sát thi công xây dựng	1					192.619.138										192.619.138			
5.3	Lập HSMT và đánh giá HSDT thi công xây lắp	1					25.330.736										25.330.736			
5.4	Thẩm định HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây lắp	1					5.863.596										5.863.596			
5.5	Cung cấp và lắp đặt thiết bị	1					640.949.760										640.949.760			
5.6	Thi công xây lắp	1					5.863.569.301	1.026.522.301			4.837.047.000									
6	Nâng cấp, mở rộng đoạn từ nhà văn hóa KV Phú Khánh đến cầu Xảo Lã	5	Phú Thờ	7982816	4532/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	5.863.569.301	10.150.582.522	1.590.780.813	363/QĐ-UBND ngày 30/01/2024		8.198.194.078						361.607.631			
6.1	Bảo hiểm công trình	1					26.374.894	20.495.485									5.879.409			
6.2	Lập HSMT và đánh giá HSDT thi công xây lắp	1					33.798.939										33.798.939			
6.3	Thẩm định HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây lắp	1					9.044.888										9.044.888			
6.4	Tư vấn giám sát thi công xây dựng	1					312.884.395										312.884.395			
6.5	Thi công xây lắp	1					9.768.479.406	1.570.285.328			8.198.194.078									
7	Nâng cấp tuyến lộ cấp sông Áp Mỹ	4	Quận Cái Răng	7982815	4530/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	14.642.581.659	11.276.527.157	1.424.579.488	364/QĐ-UBND ngày 30/01/2024		9.800.000.000						51.947.669			
7.1	Bảo hiểm công trình	1					30.223.600	26.950.000									3.283.600			
7.2	Lập HSMT và đánh giá HSDT thi công xây lắp	1					38.295.893										38.295.893			
7.3	Thẩm định HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây lắp	1					10.368.176										10.368.176			
7.4	Thi công xây lắp	1					11.197.629.488	1.397.629.488			9.800.000.000									
8	Nâng cấp, mở rộng tuyến lộ Đoạn từ cầu Bến Bè đến cầu Ba Dấu	5	P. Tân Phú	7933430	1303/QĐ-UBND ngày 05/06/2024	6.627.624.111	5.591.982.288	1.221.648.186	1384/QĐ-UBND ngày 26/06/2024		4.157.357.980						212.976.122			
8.1	Bảo hiểm công trình	1					14.514.995	3.082.261									11.432.734			
8.2	Lập HSMT và đánh giá HSDT thi công xây lắp	1					18.600.697										18.600.697			
8.3	Thẩm định HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây lắp	1					10.751.848										10.751.848			
8.4	Tư vấn giám sát thi công xây dựng	1					172.190.843										172.190.843			
8.5	Thi công xây lắp	1					5.375.923.905	1.218.565.925			4.157.357.980									

STT	Danh mục công trình	Số gói thầu	Địa điểm thực hiện	Mã số dự án	Quyết định phê duyệt dự án/BC KTKT			Giá trị gói thầu mới thầu	Giá trị giảm giá sau đấu thầu	Số Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Kết quả tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu xây lắp (Giá trị Đồng)						Kết quả tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu tư vấn (Giá trị Đồng)						Ghi chú
					Số QĐ ngày, tháng năm	Giá trị được phê duyệt	Đầu thầu rộng rãi				Đầu thầu hạn chế	Chào hàng cạnh tranh	Chỉ định thầu	Hình thức khác	Đầu thầu rộng rãi	Đầu thầu hạn chế	Chào hàng cạnh tranh	Chỉ định thầu	Hình thức khác				
9	Sửa chữa cơ sở vật chất Trường mẫu giáo Ba Lăng	5	P. Ba Lăng	8097382	1968/QĐ-UBND ngày 11/09/2024	1.189.358.888	1.075.388.584	1.668.664	2354/QĐ-UBND ngày 09/10/2024											110.545.916			
9.1	Tư vấn lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	1					72.119.731													72.119.731			
9.2	Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đầu tư xây dựng.	1					4.901.247													4.901.247			
9.3	Bảo hiểm công trình	1					771.850	30.206												741.644			
9.4	Tư vấn giám sát thi công xây dựng	1					32.783.294													32.783.294			
9.5	Thủ công xây lắp	1					964.812.462	1.638.458						963.174.004									
10	Xây dựng mới 05 cầu tuyến đường Trương Vĩnh Nguyên	13	Q. Cai Răng	8077743	2039/QĐ-UBND ngày 17/09/2024	79.667.240.000	2.793.504.881		2542/QĐ-UBND ngày 24/10/2024											2.793.504.881			
10.1	Tư vấn khảo sát địa hình giai đoạn lập BC NCKT	1					405.070.000													405.070.000			
10.2	Tư vấn khảo sát địa chất giai đoạn lập BC NCKT	1					486.735.000													486.735.000			
10.3	Tư vấn lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	1					26.754.000													26.754.000			
10.4	Tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi	1					281.405.000													281.405.000			
10.5	Tư vấn thẩm tra báo cáo NCKT	1					63.103.000													63.103.000			
10.6	Tư vấn khảo sát địa hình giai đoạn thiết kế BVTC	1					193.931.000													193.931.000			
10.7	Tư vấn khảo sát địa chất giai đoạn thiết kế BVTC	1					486.735.000													486.735.000			
10.8	Tư vấn thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	1					490.554.382													490.554.382			
10.9	Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	1					122.795.000													122.795.000			
10.10	Tư vấn lập HSMT và đánh giá HSDT xây lắp	1					120.000.000													120.000.000			
10.11	Tư vấn thẩm định HSMT và kết quả LCNT xây lắp	1					104.542.499													104.542.499			
10.12	Tư vấn lập HSMT và đánh giá HSDT tư vấn giám sát	1					6.480.000													6.480.000			
10.13	Tư vấn thẩm định HSMT và kết quả LCNT tư vấn giám sát	1					5.400.000													5.400.000			